

Số: **34** /CNĐKTN-BXD

Hà Nội, ngày **01** tháng **7** năm 2024

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM
(BỔ SUNG)**

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường, Bộ Xây dựng chứng nhận:

1. Tên tổ chức đã đăng ký:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN

Địa chỉ liên lạc: Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Địa chỉ thử nghiệm: Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Điện thoại: 02543923231

E-mail: Cao.cuong@hoasengroup.vn

Đã đăng ký bổ sung hoạt động thử nghiệm đối với ngành xây dựng trong lĩnh vực vật liệu xây dựng tại Phụ lục kèm theo.

2. Số đăng ký: **05/TN/BXD**

3. Giấy chứng nhận này bổ sung cho Giấy chứng nhận số 06/CNĐKTN-BXD ngày 06/2/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và có hiệu lực đến ngày 06/2/2028./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen
- Bộ KH&CN (để b/c);
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

**TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Nguyễn Quang Minh

PHỤ LỤC
BỔ SUNG LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM,
HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: **34** /CNĐKTN-BXD, ngày **01** tháng **7** năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)



STT	Vật liệu, chỉ tiêu thử nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (Phương pháp thử) (*)
I	Ống nhựa và phụ tùng PVC-U, PE, PPR	
1	Đo độ bền đối với áp suất bên trong	DIN 8078:2008-09 AS/NZS 1462.6:2008; ASTM D1599-18; ASTM D1598-23; BS 4728:2015; BS 3505:1986; TIS 17-2561
2	Đo đường kính trung bình, độ dày trung bình, độ ovan, độ không tròn	AS/NZS 1462.1:2006; ASTM D2122-22; DIN 8074:2011-12+ DIN 8075:2018-08; TIS 17-2561
3	Đo độ thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6148:2007 (ISO 2505:2005) AS/NZS 1462.4:2002; DIN 8075:2018-08; TIS 17-2561
4	Đo độ bền va đập	BS 3505:1986, TIS 17-2561, BS EN4607-5:1982+A3:2010, BS EN61386-22:2004+A11:2010, BS EN61386-21:2004+A11:2010, AS/NZS 1462.3:1998
5	Thử khả năng chịu cháy	BS 4607-5:1982+A3:2010 BS EN61386-22:2004+A11:2010, BS EN61386-21:2004+A11:2010
6	Đo độ bền nén	BS EN 1386-21:2004+A11:2010 BS EN 61386- 22:2004+A11:2010, ASTM D1785-21A; ASTMD2241-20; TIS 17-2561
7	Đo độ bền điện và điện trở cách điện	BS EN 4607-5:1982+A3:2010 BS EN61386-22:2004+A11:2010, BS EN61386-21:2004+A11:2010
8	Đo kích thước	BS EN61386-21:2004+A11:2010, BS EN 61386-22:2004+A11:2010 BS 4607-5:1982+A3:2010

Ghi chú:

- (*): Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.